

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Ngành học: **Việt Nam học**, Chuyên ngành: **Hướng dẫn viên du lịch** (Tourist Guide)

Mã ngành: 52220113 Hệ đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 4 năm Danh hiệu: Cử nhân

Đơn vị quản lý: Bộ môn: Lịch sử-Địa lí-Du lịch - Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

1. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Việt Nam học - chuyên ngành Hướng dẫn viên du lịch - đào tạo những cử nhân khoa học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trang bị cho người học các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành du lịch, nắm vững kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ hướng dẫn du lịch; có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp thông thường và chuyên ngành khá tốt;

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Hướng dẫn viên du lịch ngoài việc thích ứng với vị trí hướng dẫn viên còn có thể làm việc ở những lĩnh vực khác liên quan đến du lịch như điều hành, tiếp thị, văn phòng du lịch.

2. Chuẩn đầu ra

2.1 Kiến thức

2.1.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương

- Hiểu biết cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin; đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh, có sức khỏe, có kiến thức về giáo dục quốc phòng đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- Có kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.
- Có kiến thức cơ bản về tiếng Anh/tiếng Pháp tương đương trình độ A Quốc gia.
- Có kiến thức cơ bản về máy tính, các phần mềm văn phòng và các phần mềm cơ bản khác.

2.1.2 Khối kiến thức cơ sở ngành

- Có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành hướng dẫn du lịch:
 - + Kiến thức chung và cơ bản về lịch sử, văn hóa, tôn giáo, chính trị,...
 - + Kiến thức cơ bản về bản đồ học và địa lý học phục vụ trong công tác du lịch.
 - + Kiến thức cơ bản về thủ tục hải quan, xuất nhập cảnh và thanh toán quốc tế; có thể thực hiện các dịch vụ lễ hành quốc tế như hộ chiếu, thị thực, thủ tục sân bay, cửa khẩu,... cho các đoàn khách quốc tế (Inbound, Outbound).
- Có kiến thức và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ trong công tác du lịch (thiết kế trang web du lịch,...)
- Có kiến thức cơ bản về y tế để sơ cấp cứu trong quá trình đi tour, đảm bảo an toàn cho du khách và hướng dẫn viên.
- Có kiến thức cơ bản về tâm lý du khách các nước và kỹ năng giao tiếp ứng xử trong hoạt động du lịch.
- Có các kiến thức về ngôn ngữ nước ngoài: tiếng Anh (hoặc tiếng Pháp) chuyên ngành du lịch để vận dụng trong giao tiếp và hướng dẫn du lịch cho khách quốc tế.

2.1.3 Khối kiến thức chuyên ngành

- Có kiến thức chung về du lịch và kinh doanh du lịch, kiến thức chuyên sâu về các loại hình du lịch cơ bản như du lịch sinh thái, du lịch văn hóa,...
- Nắm vững kiến thức về tài nguyên du lịch và hệ thống tuyến điểm du lịch Việt Nam; kiến thức về quy trình và phương pháp thiết kế chương trình du lịch (tour).

- Nắm vững kiến thức về nghiệp vụ hướng dẫn du lịch; kiến thức về quy trình và thủ tục tổ chức, điều hành hướng dẫn các chương trình du lịch.
- Có kiến thức chung liên quan đến nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn hỗ trợ trong hướng dẫn du lịch.
- Có kiến thức về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học trong chuyên ngành du lịch để vận dụng vào nghiên cứu một vấn đề cụ thể: xác định đề tài nghiên cứu, lựa chọn phương pháp nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu; tiến hành nghiên cứu và trình bày kết quả nghiên cứu,...

2.2 Kỹ năng

2.2.1 Kỹ năng cứng

- Kỹ năng thuyết minh hướng dẫn du lịch và vận dụng phù hợp, hiệu quả trong từng trường hợp cụ thể.
- Kỹ năng sử dụng bản đồ trong hướng dẫn du lịch; kỹ năng tổ chức, điều hành các hoạt động du lịch để thực hiện chương trình du lịch như: tổ chức dịch vụ vận chuyển, lưu trú, ăn uống, tham quan, vui chơi giải trí,...
- Giao tiếp bằng tiếng Anh/Pháp để phục vụ khách du lịch quốc tế.
- Sử dụng các phần mềm văn phòng cơ bản như Word, Excel, Power-point, khai thác và sử dụng Internet; có khả năng thiết kế trang web phục vụ du lịch.

2.2.2 Kỹ năng mềm

- Kỹ năng làm việc theo nhóm
- Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu
- Kỹ năng hoạt náo, kỹ năng tổ chức sinh hoạt tập thể, tổ chức hoạt động văn nghệ, thể thao, trò chơi vận động,...
- Kỹ năng xử lý tình huống, giải quyết vấn đề một cách linh hoạt, hợp lý; thích ứng với những biến đổi trong hoạt động du lịch.

2.3 Thái độ

- Thể hiện lòng nhiệt tình, niềm đam mê; sẵn sàng lắng nghe và chia sẻ; sẵn sàng làm việc với người khác, biết xem xét và chấp nhận các quan điểm khác; tự tin, có tư duy độc lập và có trách nhiệm trong công việc.
- Thể hiện sự trung thực và đạo đức nghề nghiệp của ngành nghề mình theo đuổi, nhận thức được vị trí, vai trò tầm quan trọng của các tiêu chuẩn và nguyên tắc về đạo đức của mình, có thái độ đúng mực với những sai lầm của mình.
- Luôn xây dựng hình ảnh chuyên nghiệp trong công việc và ứng xử hàng ngày tạo một phong cách làm việc chuyên nghiệp.
- Chủ động lên kế hoạch phát triển nghề nghiệp cho bản thân.
- Luôn luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực chuyên ngành của mình để có thái độ ứng xử cũng như xử lý những thay đổi, cập nhật mới một cách phù hợp, hiệu quả.

3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Hướng dẫn viên du lịch tại các công ty du lịch, các trung tâm dịch vụ lữ hành.
- Thuyết minh viên tại các khu du lịch, bảo tàng, di tích lịch sử-văn hoá, danh lam thắng cảnh,...
- Làm việc trong các bộ phận nghiên cứu và phát triển du lịch, điều hành, kinh doanh lữ hành, tiếp thị du lịch.
- Làm việc trong những lĩnh vực nhà hàng, khách sạn, văn phòng du lịch hoặc các lĩnh vực liên quan: tổ chức sự kiện, quảng cáo, tiếp thị,...
- Làm việc tại các cơ sở nghiên cứu, giảng dạy về du lịch như các viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề du lịch,...

4. Cơ hội học tập nâng cao trình độ:

Cử nhân ngành Việt Nam học, chuyên ngành Hướng dẫn viên du lịch có thể học tiếp chương trình đào tạo sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) theo các chuyên ngành trong lĩnh vực du lịch hoặc các chuyên ngành gần.

5. Chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HK thực hiện	
Khối kiến thức Giáo dục đại cương										
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		30		Bộ trí theo nhóm ngành		
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		30		Bộ trí theo nhóm ngành		
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	3		20	65	Bộ trí theo nhóm ngành		
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	1		10	10	Bộ trí theo nhóm ngành		
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90		I, II, III	
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		10TC nhóm AV hoặc nhóm PV	60			I, II, III	
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023	I, II, III	
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024	I, II, III	
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025	I, II, III	
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031	I, II, III	
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032	I, II, III	
12	XH004	Pháp văn căn bản 1 (*)	3			45			I, II, III	
13	XH005	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		XH004	I, II, III	
14	XH006	Pháp văn căn bản 3 (*)	4			60		XH005	I, II, III	
15	FL004	Pháp văn tăng cường 1 (*)	3			45		XH006	I, II, III	
16	FL005	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45		FL004	I, II, III	
17	FL006	Pháp văn tăng cường 3 (*)	4			60		FL005	I, II, III	
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1			15			I, II, III
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2				60		I, II, III
20	ML009	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	2			30			I, II, III
21	ML010	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	3			45		ML009	I, II, III
22	ML006	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			30		ML010	I, II, III
23	ML011	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3		45		ML006	I, II, III	
24	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30			I, II, III	
25	ML007	Logic học đại cương	2		2	30			I, II, III	
26	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			I, II, III	
27	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30			I, II, III	
28	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			I, II, III	
29	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			I, II, III	
30	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20		I, II, III	
31	TN011	Thống kê xã hội học	2	2			30			I, II, III
Cộng: 40 TC (Bắt buộc 25 TC; Tự chọn: 15 TC)										
Khối kiến thức cơ sở ngành										
32	SP232	Dân tộc học đại cương	2	2		30			I, II	
33	SP200	Lịch sử văn minh Việt Nam	2	2		30			I, II	
34	SP235	Lịch sử văn minh thế giới	2	2		30			I, II	
35	XH217	Phong tục và lễ hội Việt Nam – Du lịch	2	2		30			I, II	
36	XH584	Văn hóa, dân cư, môi trường ĐBSCL	2	2		30			I, II	
37	XH313	Văn học Việt Nam đại cương	2		2	30			I, II	
38	XH567	Văn học dân gian đại cương	3			45			I, II	
39	XH150	Thủ tục hải quan và cước phí	2	2		30			I, II	
40	XH151	Ứng dụng CNTT trong du lịch	2	2		15	30	TN034	I, II	
41	XH386	Bản đồ du lịch	2	2		15	30		I, II	
42	XN101	Địa lý tự nhiên Việt Nam – Du lịch	2	2		30			I, II	
43	XN102	Địa lý Kinh tế Việt Nam – Du lịch	2	2		30			I, II	
44	XN103	Địa lý du lịch thế giới	3	3		45			I, II	
45	XN104	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp	3	3		45			I, II	
46	XH190	Y tế du lịch	2	2		20	20		I, II	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HK thực hiện	
47	XH187	Tiếng Anh chuyên ngành-Du lịch 1	4		12	60		XH025	I, II	
48	XH188	Tiếng Anh chuyên ngành-Du lịch 2	4			60		XH187	I, II	
49	XH189	Tiếng Anh chuyên ngành-Du lịch 3	4			60		XH188	I, II	
50	XN105	Tiếng Pháp chuyên ngành-Du lịch 1	4			30		XH006	I, II	
51	XN106	Tiếng Pháp chuyên ngành-Du lịch 2	4			60		XN105	I, II	
52	XN107	Tiếng Pháp chuyên ngành-Du lịch 3	4			45		XN106	I, II	
Cộng: 42 TC (Bắt buộc: 28 TC; Tự chọn: 14 TC)										
Khối kiến thức chuyên ngành										
53	XH414	Tổng quan du lịch	2	2		30			I, II	
54	XH409	Du lịch văn hóa	2	2		30		XH414	I, II	
55	XH415	Du lịch sinh thái	2	2		30		XH414	I, II	
56	XN301	Du lịch cộng đồng và Homestay	2		2	30		XH414	I, II	
57	XN302	Tổ chức sự kiện và Du lịch MICE	2			30		XH414	I, II	
58	XN303	Du lịch biển đảo	2		2	30		XH414	I, II	
59	XN304	Du lịch tôn giáo-tâm linh	2			30		XH414	I, II	
60	XN305	Du lịch làng nghề	2			30		XH414	I, II	
61	XH435	Địa danh du lịch Việt Nam	2	2		30		XH414	I, II	
62	XH416	Hệ thống lãnh thổ du lịch	2	2		30		XH414	I, II	
63	XH556	Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam	2	2		30		XH414	I, II	
64	XN306	Thực tế ngoài trường - Du lịch 1	2	2			60		I, II	
65	XN307	Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn-Du lịch	3	3		30	30	XH414	I, II	
66	XH423	Tuyên điểm du lịch Việt Nam	2	2		30		XH416	I, II	
67	XH420	Lữ hành nội địa và quốc tế	2	2		30		XH416	I, II	
68	XH557	Thị trường du lịch	2	2		30		XH420	I, II	
69	XH558	Kỹ năng thuyết trình du lịch	2	2		15	30	XH423	I, II	
70	XN308	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	4	4		30	60	XH423	I, II	
71	XH560	Phương pháp nghiên cứu - Du lịch	2	2		30		XH409, XH415	I, II	
72	XN309	Thực tế ngoài trường - Du lịch 2	3	3			90	XN306	I, II	
73	XN310	Luật du lịch	2	2		30		KL001, XH414	I, II	
74	XH562	Quy hoạch du lịch	2	2		30		XH416	I, II	
75	XH426	Phát triển du lịch bền vững	2	2		30		XH409, XH415	I, II	
76	XN311	Thực tập nghiệp vụ-Du lịch	4	4			120	XN307, XN308	I, II, III	
77	XH440	Luận văn tốt nghiệp-Du lịch	10		10		300	4N: ≥ 105 TC	I, II	
78	XH439	Tiểu luận tốt nghiệp-Du lịch	4				120	4N: ≥ 105 TC	I, II	
79	XH436	Đại cương Địa lý chính trị thế giới	2				30			I, II
80	SP075	Đại cương về Trái Đất	2				30			I, II
81	XH137	Dân số và phát triển	2				30			I, II
82	SP019	Danh nhân đất Việt	2				30			I, II
83	SP236	Lịch sử Quan hệ quốc tế	2				30			I, II
84	XH564	Địa lý Du lịch Đông Nam Á	2				30			I, II
85	XH193	Kỹ năng Giao tiếp xã hội	2				30			I, II
86	XN110	Kỹ thuật nhiếp ảnh và quay Video	2				30			I, II
Tổng cộng: 140 TC (Bắt buộc: 97 TC; Tự chọn: 43 TC)										

(*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường hoặc học tích lũy.

**BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KH và ĐT
CHỦ TỊCH**

Ngày tháng năm 2017
**KHOA KHXH và NHÂN VĂN
TRƯỞNG KHOA**

Hà Thanh Toàn

Lê Việt Dũng

Thái Công Dân